

NHU CẦU XÂY DỰNG NHÀ TIÊU CỦA NGƯỜI DÂN VÀ SỰ THAM GIA CỦA CÁC CỬA HÀNG KINH DOANH VẬT LIỆU, CẤU KIỆN VỆ SINH TẠI MỘT SỐ TỈNH

NGUYỄN ĐỨC THANH, TRỊNH HỮU VÁCH
Trường Đại học Y Thái Bình

TÓM TẮT

Điều tra cắt ngang mô tả tại 4 tỉnh dự án gồm Điện Biên, Ninh Thuận, Kon Tum và Đồng Tháp với đối tượng là 780 chủ hộ gia đình từ 18-65 tuổi. Kết quả cho thấy: Đa số các hộ gia đình thích nhà tiêu tự hoại xây gạch (38,5%), tiếp đến nhà tiêu thấm dội nước hai ngăn (15,2%). Có 37,8% hộ gia đình chưa có nhà tiêu đạt tiêu chuẩn về xây dựng cho biết họ có nhu cầu cải tạo/xây mới nhà vệ sinh trong tương lai gần. Loại nhà tiêu được các hộ gia đình dự định cải tạo/xây mới lựa chọn nhiều nhất là nhà tiêu tự hoại (47,1%), tiếp đến nhà tiêu thấm dội nước (28,2%). Còn tỷ lệ khá cao (53,7%) các hộ gia đình, chủ yếu ở Kon Tum và Điện Biên, không biết nơi cung ứng vật liệu, kết cấu vệ sinh tại địa phương. Có 100% đối tượng phỏng vấn cho rằng ở Điện Biên và Kon Tum chưa có hoạt động tiếp thị vật liệu, cấu kiện vệ sinh. Về sự thuận tiện trong việc mua các loại vật liệu xây dựng, cấu kiện vệ sinh tại cửa hàng gần nhất, nhiều người dân cho rằng việc mua hàng là thuận tiện, không có gì khó khăn (39,6%).

SUMMARY

Describe cross-sectional survey conducted in four provinces of Dien Bien, Ninh Thuan, Kon Tum and Dong Thap with study subjects of 780 household heads from 18-65 years old. The results show that: The majority of households prefer the brick septic tank (38.5%), followed by double-pit pour-flush latrine (15.2%). 37.8% of households having no standard latrines planned to have renovation/construction of new latrines in the near future. Type of latrine which households planned to have renovation/new construction are septic tank (47.1%) - the best choice, followed by pour-flush latrine (28.2%). A high rate (53.7%) of households, mainly in Kon Tum and Dien Bien, did not know the places supplying materials for latrine construction. 100% of the interviewees reported that there have been no marketing activities on materials for latrine construction in Dien Bien and Kon Tum. Regarding the convenience of buying all kinds of building materials at the nearest store, many respondents revealed that the purchase was convenience, nothing difficult (39.6%).

ĐẶT VẤN ĐỀ

Phương pháp Vệ sinh tổng thể do cộng đồng làm chủ đã được Bộ Y tế và Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc (UNICEF) hỗ trợ thực hiện ở một số tỉnh trong đó có Điện Biên, Ninh Thuận, Kon Tum và Đồng Tháp. Đến tháng 12 năm 2010, 40 thôn bản ở Điện Biên và 12 bản ở Kon Tum đã xóa bỏ hoàn toàn được thói quen phóng uế bừa bãi và nhiều thôn đạt được 90% [2]. Thực tế cho thấy một bộ phận người dân tộc thiểu số sống ở vùng núi cao không có nhu cầu vay vốn để xây dựng nhà tiêu, lý do chính là những hộ nghe#o đối này

quan tâm trước tiên đến cái ăn, cái mặc hơn. Một lý do khác, đó là một số hộ dân sợ không trả được tiền lãi và vốn vay cho nhà nước nên không dám vay, họ sợ vay là phải trả, mà họ nghèo nên không thể trả được [1,5]. Việc hỗ trợ cộng đồng tại vùng sâu vùng xa phát triển được dây truyền cung ứng dịch vụ vệ sinh là khâu trọng yếu để đảm bảo sự thành công một cách bền vững của các mô hình khuyến khích vệ sinh [3, 4]. Muốn phát triển được thị trường vệ sinh cần chú trọng cả bên cầu lẫn dây truyền cung ứng. Một trong những mắt xích của dây truyền cung ứng là sự có sẵn vật liệu xây dựng đảm bảo đáp ứng được mọi nhu cầu xây dựng nhà tiêu. Vì vậy, điều tra thị trường vệ sinh thực sự rất cần thiết. Nghiên cứu này được thực hiện với hai mục tiêu: 1) Đánh giá nhu cầu xây dựng nhà tiêu của người dân trên địa bàn bốn tỉnh dự án, và 2) Đánh giá sự tham gia của hàng kinh doanh vật liệu, cấu kiện vệ sinh trên địa bàn nghiên cứu.

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Đối tượng nghiên cứu.

Nghiên cứu được thực hiện với những đối tượng là chủ hộ gia đình từ 18-65 tuổi.

2. Thời gian và địa điểm nghiên cứu.

Nghiên cứu được tiến hành từ tháng 11 đến tháng 12 năm 2011 tại 15 xã áp dụng phương pháp Vệ sinh tổng thể do cộng đồng làm chủ ở 4 tỉnh gồm: Điện Biên, Ninh Thuận, Kon Tum và Đồng Tháp.

3. Thiết kế nghiên cứu, cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu.

Nghiên cứu được thiết kế theo phương pháp điều tra mô tả cắt ngang. Công thức tính cỡ mẫu:

$$n = Z_{1-\alpha/2}^2 \times \frac{p(1-p)}{d^2}$$

Trong đó: n = là cỡ mẫu tối thiểu cần nghiên cứu, $Z_{1-\alpha/2}$ = độ tin cậy 95% ($Z_{1-\alpha/2} = 1,96$); p = tỷ lệ hộ có nhu cầu cải tạo, xây dựng nhà tiêu mới (p=0,5 để có cỡ mẫu tối thiểu cần chọn lớn nhất); d = sai số tuyệt đối lựa chọn (d=0,05).

Thay các giá trị trên vào công thức tính, kết quả thu được nhân với hệ số thiết kế mẫu bằng 2, ta có cỡ mẫu tính được sau khi làm tròn là 780 (Chủ hộ gia đình).

Chọn mẫu: Tại mỗi xã của 15 xã thuộc địa bàn nghiên cứu, 52 chủ hộ được lựa chọn theo phương pháp chọn ngẫu nhiên hệ thống để thực hiện phỏng vấn.

4. Xử lý số liệu.

Số liệu được làm sạch trước khi nhập vào máy tính bằng chương trình Epidata 3.1. Số liệu được nhập 2 lần bởi 2 chuyên viên nhập liệu khác nhau. Sử dụng chương trình SPSS 17.0 để phân tích số liệu

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Nhu cầu xây dựng nhà tiêu của người dân

1.1. Sở thích về loại nhà tiêu của các hộ gia đình

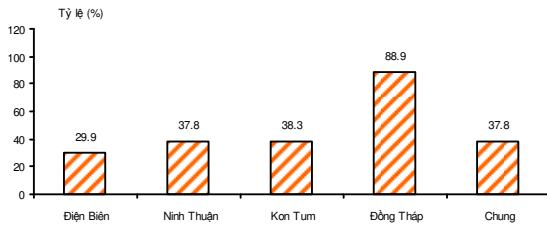
Bảng 1. Loại nhà tiêu hộ gia đình thích sử dụng nhất

Loại nhà tiêu	Điện Biên (n=208)	Ninh Thuận (n=156)	Kon Tum (n=364)	Đồng Tháp (n=52)	Chung (n=780)
Tự hoại	39,4	22,4	36,5	96,2	38,5
Thấm dội nước	6,3	48,1	7,9	1,9	15,2
Nhà tiêu chìm có thông hơi	15,4	0,0	16,5	0,0	11,8
Nhà tiêu hai ngăn	1,0	2,6	0,0	0,0	0,8
Nhà tiêu khác	0,0	7,1	9,3	0,0	5,9
Không biết	37,5	19,9	29,7	1,9	27,9

Khi được hỏi về loại nhà tiêu mà đối tượng thích sử dụng nhất, đa số đối tượng là chủ hộ gia đình cho biết đó là nhà tiêu tự hoại xây gạch (38,5%), cao nhất ở tỉnh Đồng Tháp (96,2%) và thấp nhất ở tỉnh Ninh Thuận (22,4%). Bên cạnh nhà tiêu tự hoại xây gạch, loại nhà tiêu thấm dội nước hai ngăn cũng được nhiều người dân ở Ninh Thuận ưa thích (48,1%). Số người ưa thích sử dụng nhà tiêu chìm có ống thông hơi khá cao ở tỉnh miền núi Điện Biên (15,4%) và Kon Tum (16,5%). Còn nhiều đối tượng được phỏng vấn không hiểu biết về các loại nhà tiêu nên không đưa ra được sự lựa chọn loại nhà tiêu nào ưa thích (27,9%).

1.2. Dự định về cải tạo, xây mới nhà tiêu

Trừ các hộ gia đình có nhà tiêu đạt tiêu chuẩn về xây dựng theo quy định của Bộ Y tế, các hộ gia đình còn lại đều được tham gia trả lời câu hỏi Gia đình anh/chị có dự định sẽ cải tạo/xây mới nhà vệ sinh không? . Câu hỏi này nhằm đánh giá nhu cầu xây dựng nhà tiêu của các hộ gia đình trong thời gian tới.



Hình 1. Tỷ lệ hộ gia đình có dự định cải tạo/xây mới nhà vệ sinh

Tính chung cho cả 4 tỉnh, 37,8% hộ gia đình chưa có nhà tiêu đạt tiêu chuẩn về xây dựng cho biết họ có nhu cầu cải tạo/xây mới nhà vệ sinh trong thời gian tới. Tỷ lệ này cao nhất ở tỉnh Đồng Tháp (88,9%), tiếp theo là Kon Tum (38,3%), Ninh Thuận (37,8%) và Điện Biên (29,9%). Kết quả nghiên cứu trên chỉ ra rằng nhu cầu cải tạo/xây mới nhà tiêu hợp vệ sinh ở Đồng Tháp rất cao, còn ở các tỉnh khác nhu cầu cải tạo/xây mới nhà tiêu hợp vệ sinh còn thấp.

Bảng 2. Loại nhà tiêu hộ gia đình có ý định cải tạo/xây mới

Loại nhà tiêu	Điện Biên (n=40)	Ninh Thuận (n=31)	Kon Tum (n=119)	Đồng Tháp (n=16)	Chung (n=206)
Tự hoại	22,5	9,7	59,7	87,5	47,1
Thấm dội nước	27,5	71,0	20,2	6,3	28,2
Nhà tiêu chìm có thông hơi	37,5	0,0	10,1	0,0	13,1
Nhà tiêu hai ngăn	5,0	3,2	0,0	0,0	1,5
Nhà tiêu khác	2,5	16,1	8,4	0,0	7,7
Không biết	2,5	0,0	1,7	6,3	1,9

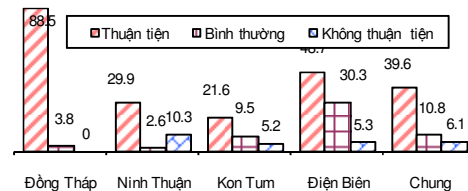
Loại nhà tiêu được các hộ gia đình dự định cải tạo/xây mới lựa chọn nhiều là nhà tiêu tự hoại (47,1%), nhà tiêu thấm dội nước (28,2%) và nhà tiêu chìm có ống thông hơi (13,1%). Tuy nhiên vẫn còn 7,7% số gia đình dự định sẽ xây nhà tiêu không thuộc các loại hợp vệ sinh (thùng, cầu, hố đào) và 1,9% chưa xác định sẽ xây loại nhà tiêu nào. Cần phải tuyên truyền để những gia đình chưa xác định loại nhà tiêu sẽ xây dựng hoặc những hộ dự định chọn những loại không hợp vệ sinh có đủ thông tin lựa chọn xây loại nhà tiêu hợp vệ sinh và đảm bảo các tiêu chuẩn vệ sinh về xây dựng. Tỷ lệ gia đình dự định xây nhà tiêu tự hoại cao nhất ở Đồng Tháp (87,5%) và thấp nhất ở Ninh Thuận (9,7%). Tỷ lệ gia đình dự định xây nhà tiêu thấm dội nước cao nhất ở Ninh Thuận (71,0%). Loại nhà tiêu hai ngăn rất ít được người dân đề cập đến.

2. Sự tham gia của cửa hàng kinh doanh vật liệu xây dựng, cấu kiện vệ sinh

Bảng 3. Địa điểm cửa hàng bán vật liệu xây dựng nhà tiêu và cấu kiện vệ sinh gần nhất

Địa điểm	Điện Biên (n=208)	Ninh Thuận (n=156)	Kon Tum (n=364)	Đồng Tháp (n=52)	Chung (n=780)
Tại thôn	0,0	0,0	0,8	100,0	7,1
Tại thôn khác trong xã	29,8	50,0	17,9	0,0	26,3
Tại xã khác	6,7	25,0	13,2	0,0	12,9
Không biết	63,5	25,0	68,1	0,0	53,7

Tính chung cho 4 tỉnh điều tra, tỷ lệ các hộ gia đình không biết địa chỉ cung ứng dịch vụ vệ sinh còn khá cao (chiếm 53,7%). Việc cung ứng dịch vụ vệ sinh ở hai tỉnh đồng bằng là Đồng Tháp và Ninh Thuận thuận lợi hơn. Tất cả đối tượng được điều tra ở Đồng Tháp cho biết ngay tại thôn có cửa hàng bán vật liệu xây dựng và cấu kiện vệ sinh. Tại Ninh Thuận, các cửa hàng này cũng sẵn có tại thôn khác trong xã (50%) hoặc tại xã khác (25%).



Hình 2. Ý kiến của chủ hộ gia đình về việc mua vật liệu xây dựng, cấu kiện VS tại cửa hàng

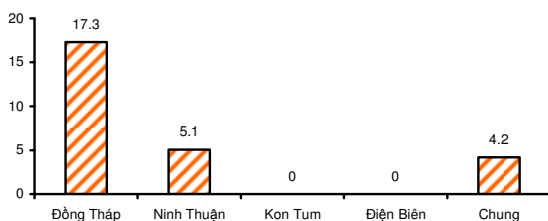
Đánh giá về sự thuận tiện trong việc mua các loại vật liệu xây dựng, cấu kiện vệ sinh tại cửa hàng gần nhất, nhiều người dân cho rằng việc mua hàng thuận

tiện, không có gì khó khăn (39,6%), cao nhất là Đồng Tháp (88,5%), tiếp theo là Điện Biên (48,7%), Ninh Thuận (29,9%) và thấp nhất là Kon Tum (21,6%).

Bảng 4. Ý kiến của các chủ hộ gia đình về giá vật liệu xây dựng, cấu kiện vệ sinh tại cửa hàng gần nhất

Ý kiến	Điện Biên (n=76)	Ninh Thuận (n=117)	Kon Tum (n=116)	Đồng Tháp (n=52)	Chung (n=361)
Có chấp nhận được	61,8	35,9	16,4	82,7	41,8
Không chấp nhận được	5,3	0,0	9,5	5,8	5,0
Không biết	32,9	64,1	74,1	11,5	53,2

Khi được hỏi ý kiến về giá của các vật liệu xây dựng, cấu kiện vệ sinh tại cửa hàng gần nhất, nhiều người dân đã từng mua vật liệu xây dựng nhà tiêu để xây cho nhà mình cho rằng giá bán có thể chấp nhận được (41,8%); tỷ lệ này cao nhất ở tỉnh Đồng Tháp (82,7%) và thấp nhất ở Kon Tum (16,4%).



Hình 3. Tỷ lệ chủ hộ gia đình biết việc tiếp thị của cửa hàng bán vật liệu xây dựng, cấu kiện vệ sinh

Hình thức tiếp thị vệ sinh chủ yếu tại các cửa hàng bán vật liệu xây dựng, cấu kiện vệ sinh là giới thiệu, quảng cáo các sản phẩm sẵn có tại cửa hàng với người dân. Tuy nhiên theo đánh giá của người dân được phỏng vấn thì hoạt động này chưa được thực hiện tốt tại các địa bàn nghiên cứu, đặc biệt, 100% đối tượng phỏng vấn cho rằng ở Điện Biên và Kon Tum chưa có hoạt động tiếp thị vật liệu, cấu kiện vệ sinh. Tại Đồng Tháp và Ninh Thuận, một số ít người dân được phỏng vấn cho rằng có hoạt động giới thiệu, quảng bá sản

phẩm vật liệu xây dựng, cấu kiện vệ sinh của chủ cửa hàng với người tiêu dùng (17,3% ở Đồng Tháp và 5,1% ở Ninh Thuận).

KẾT LUẬN

- Nhu cầu xây dựng nhà tiêu của các hộ gia đình trên địa bàn nghiên cứu chưa cao: Đa phần các hộ gia đình ở Đồng Tháp, Kon Tum và Điện Biên thích sử dụng loại nhà tiêu tự hoại nhất. Nhiều hộ gia đình ở Ninh Thuận thích sử dụng loại nhà tiêu thấm dội nước.

- Tính chung cho cả 4 tỉnh, có khoảng 40% hộ gia đình ở các xã điều tra chưa có nhà tiêu đạt tiêu chuẩn về xây dựng cho biết họ có nhu cầu cải tạo/xây mới nhà vệ sinh trong thời gian ngắn tới. Loại nhà tiêu được các hộ gia đình dự định cải tạo/xây mới lựa chọn nhiều là nhà tiêu tự hoại, tiếp đến là nhà tiêu thấm dội nước và nhà tiêu chìm có ống thông hơi.

- Nhiều người dân cho rằng việc mua vật liệu, cấu kiện vệ sinh thuận tiện, không có gì khó khăn. Tuy nhiên, hầu hết các cửa hàng bán các loại vật liệu, cấu kiện vệ sinh chưa thực hiện tiếp thị quảng bá sản phẩm tới người dân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Y tế - Cục Y tế dự phòng - UNICEF (2007), *Vệ sinh môi trường ở một số dân tộc thiểu số Việt Nam*. Nxb. Y học, Hà Nội, 2007.
2. Cục quản lý môi trường Y tế: *Báo cáo đánh giá triển khai mô hình CLTS (5/2011)*
3. Tổ chức Phát triển quốc tế (IDE), Cục Quản lý Môi trường y tế, Trung tâm Nước và Vệ sinh quốc tế (2010), *Tiếp thị vệ sinh tại Việt Nam, Cẩm nang về tiếp thị vệ sinh nông thôn cho miền Trung Việt Nam*.
4. Trịnh Hữu Vách. Báo cáo chuyên đề: *Vệ sinh nông thôn, vệ sinh trường học và vệ sinh công cộng trong chương trình mục tiêu quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường*, 2005
5. Bộ Y tế - Cục Y tế dự phòng - UNICEF (2007), *Vệ sinh môi trường nông thôn Việt Nam*. Nxb. Y học, Hà Nội, 2007.